

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

a - Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình

b - Tên công trình: Xây dựng khu để xe và cải tạo cảnh quan đường đi lên Đài hương 468 xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

- Loại, cấp công trình: Công trình Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

c - Chủ đầu tư: Phòng kinh tế xã Thanh Thủy

d - Địa điểm xây dựng: Thôn Nậm Ngặt, Xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

e - Qui mô xây dựng:

*. Tường chắn đất bê tông trọng lực cao (8,0÷10,2)m

Tường chắn đất bê tông trọng lực dài 40m bao gồm 4 đơn nguyên và 2 loại mặt cắt, chạy dọc theo vị trí kênh thủy điện Thanh Thủy bậc 2. Tường có kết cấu BT M250 đá 1x2 trên lớp bê tông lót M100 đá 4x6 dày 10cm; đáy móng gia cố cọc thép hình I250x125x6x9 SS400 dài 2,0m/cọc (phạm vi nền là đất) và neo thép 3Φ20 dài 2m/neo (phạm vi nền là đá).

Kích thước và kết cấu các bộ phận của tường như sau:

- Chiều dài tim tường: 40,0m

- Chiều cao toàn bộ tường: (8,0÷10,2)m

- Cao trình đỉnh tường: +(304,50)m;

- Chiều dày bản đáy: (1,5÷2,0)m; chiều rộng bản đáy (6,1÷6,8)m;

- Chiều cao tường: (6,0÷8,2)m; chiều rộng cổ tường (3,0÷3,5)m; chiều rộng đỉnh tường: 0,6m;

- Đáy móng gia cố cọc thép hình I250x125x6x9 SS400 dài 2,0m/cọc (phạm vi nền là đất) và neo thép 3Φ20 dài 2m/neo (phạm vi nền là đá).

- Sau lưng tường bố trí thiết bị thoát nước là vải lọc GET25 và đá hộc xếp khan dày 0,5m. Bố trí 2 hàng ống thoát nước PVC D90 với mật độ 2m/ống thoát nước từ lưng tường ra phía rãnh thoát nước phía trước dọc chân tuyến kè.

- Khóa mái đầu kè tường đứng bằng rọ đá xếp, kích thước rọ đá (2x1x1)m.

*. Kè mái nghiêng trên đỉnh tường chắn bê tông trọng lực

Kè mái nghiêng trên đỉnh tường chắn bê tông trọng lực có kết cấu tấm cấu kiện BTĐS kích thước (0,4x0,4x0,12)m lát trong khung dầm BTCT M250 đá 1x2. Chi tiết về các bộ phận được mô tả như sau:

- Chiều dài đỉnh kè: 58,60m; chiều dài chân kè 40,92m;

- Hệ số mái kè: $m = 1,25$;

- Kết cấu khung dầm: BTCT M250 đá 1x2 trên lớp BT lót M100 đá 4x6 dày 10cm;

- Dầm chân dưới cùng của kè: $(B \times H) = [(0,5 \div 0,63) \times 1,0]m$

+ Dầm đỉnh kè: $(B \times H) = (0,40 \times 0,50)m$;

+ Dầm giữa kè: $(B \times H) = [0,30 \times (0,40 \div 0,64)]m$;

+ Dầm dọc: $(B \times H) = (0,40 \times 0,50)m$ đối với dầm chia đơn nguyên và $(0,30 \times 0,40)m$ đối với dầm trong đơn nguyên;

- Kết cấu mái nghiêng: mái cấu kiện BTĐS (0,4x0,4x0,12)m trên lớp vữa đầm lót 1x2 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật GET25.

- Tiếp giáp giữa các đơn nguyên dầm kè, đơn nguyên tường, đơn nguyên tấm mái với dầm là 2 lớp giấy dầu.

*. Mặt bãi đỗ xe

Xây dựng mặt bãi đỗ xe rộng 1073m² bao gồm 2 phần:

- Phần mặt bãi bê tông xi măng rộng 817m² có kết cấu BTXM M300 dày 20cm trên lớp nilon tái sinh và cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm.

- Phần khu ngắm cảnh đoạn dọc theo đỉnh kè mái nghiêng. Kết cấu BTCT M300, phần nằm trên đường rộng 5,0m, dày 50cm trên lớp vữa XM M50 dày 5cm; phần ngắm cảnh conson đưa ra rộng thêm $B=3,0m$ dày $(35 \div 20)cm$; tổng chiều dài 55m, bên ngoài có lan can inox bảo vệ, lát đá tự nhiên phần diện tích conson đưa ra để tạo điểm ngắm cảnh, chụp hình lưu niệm cho du khách. Diện tích phần nằm trên mặt bãi 256m²; diện tích phần conson đưa ra 172,0m².

*. Kè đá hộc xây VXM M100 áp mái taluy dương bãi đỗ xe

Chi tiết về các bộ phận được mô tả như sau:

- Chiều dài đỉnh kè: 51,23m;

- Hệ số mái kè: $m = 0,50$;

- Kết cấu: Đá hộc xây VXM M100; phần đầm chân kích thước BxH=(1,0x0,8)m; phần mái nghiêng có hệ số mái m=0,5, cao 4,0m, dày 40cm trên lớp dăm lọc 1x2 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật GET25;

- Bố trí các ống thoát D48 bọc vải địa kỹ thuật thoát nước, mật độ trung bình 1,5m/ống;

*. Bậc thang lên xuống bãi đỗ xe

Bậc thang từ bãi đỗ xe lên đường chính: Bậc thang dài khoảng L=102m,

phần mặt bậc rộng 2,5m cao 0,2m; phần thành bậc rộng 0,3m; chiều rộng toàn bộ bậc 3,1m. Kết cấu BT/BTCT M250 trên lớp VXM M50 dày 5cm, trát hoàn thiện phần mặt bậc bằng VXM M75 dày 1,5cm. Bố trí các chiếu nghỉ tại các vị trí đổi hướng. Tay vịn của bậc sử dụng vật liệu inox, lắp dựng ở 2 bên thành bậc.

9.6. Đường tuyến chính

+ Chiều dài tuyến: 299m;

+ Bề rộng đường: 7,0m;

+ Kết cấu: bê tông nhựa hạt thô C16 dày 7cm trên lớp BTXM hiện trạng, phần thiếu đổ bù bằng BTXM M300 dày 18cm; cấp phối đá dăm dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$ và lớp đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$, lề đường đất đầm chặt $K \geq 0,90$. Tận dụng hộ lan thép lượn sóng hiện trạng còn mới cho tuyến chính.

+ Phần khu ngắm cảnh đoạn dọc theo đỉnh kè mái nghiêng. Kết cấu BTCT M300, phần nằm trên đường rộng (3,5÷5,0)m, dày 50cm trên lớp vữa XM M50 dày 5cm; phần ngắm cảnh conson đua ra rộng thêm B=(1,6÷3,0)m dày (35÷20)cm; tổng chiều dài 134mm, bên ngoài có lan can inox bảo vệ, lát đá tự nhiên phần diện tích conson đua ra để tạo điểm ngắm cảnh, chụp hình cho du khách.

*. Đường tuyến nhánh

+ Chiều dài tuyến: 116m;

+ Bề rộng đường: 5,0m;

+ Kết cấu: bê tông nhựa hạt thô C16 dày 7cm trên lớp BTXM M300 dày 18cm; cấp phối đá dăm dày 15cm, đầm chặt $K \geq 0,98$ và lớp đất đắp đầm chặt $K \geq 0,95$, lề đường đất đầm chặt $K \geq 0,90$. Bố trí hộ lan thép lượn sóng dọc tuyến nhánh.

*. Kè đá hộc xây VXM M100 áp mái taluy âm đường tuyến nhánh

Chi tiết về các bộ phận được mô tả như sau:

- Chiều dài đỉnh kè: 70,00m;

- Hệ số mái kè: m = 1,0;

- Kết cấu: Đá hộc xây VXM M100; phần đầm chân kích thước BxH=(1,0x1,0)m; phần mái nghiêng có hệ số mái m=1,0, cao 4,0m, dày 40cm trên lớp dăm lọc 1x2 dày 10cm và lớp vải địa kỹ thuật GET25;

- Bố trí các ống thoát D48 bọc vải địa kỹ thuật thoát nước, mật độ trung bình 1,5m/ống;

*. Rãnh thoát nước và hệ thống chiếu sáng

Bố trí các rãnh thoát nước dọc theo lề bãi đỗ xe dạng chữ U và hình thang (đường tuyến chính, đường tuyến nhánh và dọc thoát nước kê ốp mái trên đỉnh tường trọng lực). Chiều dài và kết cấu rãnh thoát nước các đoạn như sau:

- Rãnh thoát nước BTCT chữ U:

+ Chiều dài: 108m;

+ Kích thước rãnh: (0,6x0,6)m; đáy và tường dày 0,12m bằng BTCT M200 đá 1x2.

+ Kích thước tấm nắp: (1,0x0,84x0,14)m bằng BTCT M250 đá 1x2.

+ Rãnh được đặt trên lớp đá dăm đệm 2x4 dày 10cm.

- Rãnh thoát nước hình thang:

+ Chiều dài: 285,0m;

+ Kích thước rãnh: đáy rộng 0,4m; đỉnh rộng 1,0m; cao 0,3m.

+ Kết cấu rãnh: đáy bê tông M200 đá 1x2 đổ tại chỗ; thành rãnh cấu kiện BT M200 đá 1x2 đúc sẵn kích thước (0,5x0,44x0,07)m trên lớp VXM M100 dày 2cm; trát mạch giữa các tấm bằng VXM M100 rộng 2cm.

Tận dụng lại các đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời hiện có, đầu tư thêm hệ thống chiếu sáng năng lượng mặt trời ở các vị trí còn thiếu phục vụ chiếu sáng, quản lý vận hành phạm vi dự án.

*. Rãnh dăm thu nước và ống HDPE DN315 PN8 thoát nước thấm

Bố trí hố thu, rãnh dăm và ống HDPE thu nước thấm từ đỉnh bãi đỗ xe xuống công thu hiện trạng của thủy điện Thanh Thủy bậc 2. Quy mô, kết cấu các bộ phận như sau:

- Hố thu đỉnh:

+ Kích thước: BxLxH=(1,0x1,0x1,0)m;

+ Cao trình đáy: +313,60;

+ Cao trình đỉnh: +314,70;

+ Kết cấu: BTXM M200 đá 1x2 dày 20cm trên lớp VXM M50 dày 5cm; thành đáy nắp bằng 2 tấm đan BTCT M250 đá 1x2 kích thước BxLxH=(0,7x1,0x0,1)m;

- Rãnh dăm và ống HDPE thu - thoát nước:

+ Kích thước rãnh dăm: BxH=(0,8x0,8)m;

+ Loại ống HDPE: HDPE DN315 PN8 dày 15mm bọc vải ĐKT GET25;

+ Vật liệu thu nước rãnh: dăm lọc 1x2, bọc vải ĐKT GET25;

*. Ròng đá khu Đài hương 468

Phía trước bậc thang lên xuống Đài hương 468 bố trí 2 ròng đá chiều dài khoảng 6m tạo sự uy nghiêm của không gian tâm linh.

2. Thời hạn hoàn thành. 12 tháng (360 ngày)

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Nhà thầu phải nghiên cứu để thực hiện đúng các quy định trong thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy trình thi công, kiểm tra, nghiệm thu theo quy định hiện hành.

Nhà thầu phải coi Yêu cầu về kỹ thuật này là một phần của Hợp đồng xây lắp, trong suốt quá trình thi công, nghiệm thu và bảo hành công trình...mọi nội dung trong yêu cầu kỹ thuật phải được thực hiện và nhà thầu không được trả thêm bất kỳ một chi phí nào khác;

Những công việc thí nghiệm, nghiệm thu mà trong yêu cầu về mặt kỹ thuật chưa đề cập thì nhà thầu, TVGS đề xuất đề chủ đầu tư thống nhất tiêu chuẩn áp dụng cho dự án.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

Trước khi tiến hành nghiệm thu bất cứ một hạng mục nào, nhà thầu phải có trách nhiệm tự bố trí kiểm tra, nghiệm thu nội bộ, các kết quả phải được đảm bảo rằng đó đạt yêu cầu mới có quyền báo cáo Tư vấn giám sát kiểm tra và báo cáo cấp có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu theo quy định mới được chuyển sang thi công bước tiếp theo.

Công tác kiểm tra chất lượng phải ghi rõ các kết quả kiểm tra, các thông số đo đạc về kích thước hình học, cao độ, cùng các chỉ tiêu kỹ thuật khác liên quan. Kết quả kiểm tra chất lượng phải được ghi rõ vào biên bản kiểm tra, đặc biệt là các hạng mục công trình ấn dấu và phải được các bên liên quan đồng ý ký nghiệm thu, xác nhận.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sản phẩm thi công của mình, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các số liệu thí nghiệm, các chứng chỉ vật liệu cấu thành hạng mục công trình trước khi chuyển giai đoạn thi công và làm căn cứ để nghiệm thu công trình.

Khi kiểm tra các hạng mục công trình hoặc các nguyên vật liệu thi công có kết quả không đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật thì Nhà thầu phải tiến hành ngay việc sửa chữa hoặc phá dỡ các sản phẩm, các nguyên vật liệu đó. Mọi chi phí cho việc sửa chữa (kể cả các thí nghiệm kiểm tra) Nhà thầu phải hoàn toàn chịu mọi chi phí.

Công tác Thi công - Nghiệm thu áp dụng các tiêu chuẩn trong bảng sau:

(Nhà thầu phải có trách nhiệm xem xét tìm hiểu các tiêu chuẩn mới nhất để cập nhật trong quá trình dự thầu và thi công)

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

Nhà thầu phải nêu rõ biện pháp tổ chức thi công và giám sát chất lượng của mình một cách hợp lý, khả thi trên cơ sở các tiêu chuẩn tổ chức thi công, giám sát chất lượng theo quy định hiện hành.

Nhà thầu bằng kinh phí và năng lực của mình phải tổ chức một bộ phận thí nghiệm có đủ tư cách, để kiểm tra và đánh giá chất lượng thi công của mình. Toàn bộ quá trình thí nghiệm phải được TVGS kiểm tra, giám sát. Các kết quả thí nghiệm

thể hiện bằng các văn bản và được TVGS ký xác nhận.

Khi một trong các yêu cầu thí nghiệm mà Nhà thầu không đảm nhận được thì có quyền thuê một đơn vị tư vấn hoặc một trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng có tư cách pháp nhân thực hiện.

Khi có bất cứ sự nghi ngờ nào về chất lượng công trình và công tác thí nghiệm hoặc có bất cứ nghi ngờ nào về sự gian dối của nhà thầu trong quá trình thi công, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu một đơn vị Thí nghiệm độc lập khác tiến hành lại và mọi chi phí của việc này phải do Nhà thầu chi trả.

Nhà thầu chỉ được phép dùng nguồn vật tư, vật liệu đã làm thí nghiệm và được chấp thuận của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát. Mọi sự thay đổi nguồn cung cấp vật tư, vật liệu đều phải tiến hành các thủ tục thí nghiệm kiểm tra như ban đầu - chi phí của việc này phải do Nhà thầu chi trả. Nghiêm cấm nhà thầu tự ý thay đổi chủng loại vật tư, vật liệu khi chưa có các kết quả thí nghiệm theo quy định.

Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

* Vật tư: Trong Hồ sơ dự thầu, nhà thầu phải đưa ra được các nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng vật tư sẽ sử dụng cho công trình. Các loại vật tư này phải thỏa mãn các yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật mà Dự án áp dụng và các tiêu chuẩn liên quan hiện hành;

Ngoài ra Nhà thầu phải thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm theo tiêu chuẩn Thi công - Nghiệm thu yêu cầu.

3. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

Nhà thầu phải nêu rõ trình tự thi công và lắp đặt các hạng mục công việc một cách hợp lý, khả thi. Đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy trình quy phạm thi công nghiệm thu đó nêu tại mục (I, III) và các quy định hiện hành.

4. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về phòng chống cháy nổ hiện hành của nhà nước trong quá trình thi công.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Nhà thầu phải tuân thủ một số nội dung như sau:

- Phải thực hiện các biện pháp đảm bảo về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định.
- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.
- Có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ Thi công xây lắp và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp về bảo vệ môi trường.
- Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình Thi công xây lắp công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường do lỗi của mình gây ra.

7. Yêu cầu về an toàn lao động;

Nhà thầu phải tuân thủ một số nội dung như sau:

- Nhà thầu Thi công xây lắp phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng. Trường hợp các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thoả thuận.
- Các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành. Ở những vị trí nguy hiểm trên công trường, phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.
- Phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ Thi công xây lắp. Người để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được đào tạo, chưa được hướng dẫn về an toàn lao động hoặc chưa có đủ các loại chứng chỉ theo quy định.

- Nhà thầu Thi công xây lắp có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

- Nhà thầu phải có biện pháp huy động nhân lực và máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiến độ thi công yêu cầu của gói thầu và phù hợp với tiến độ do nhà thầu lập nêu trong HSDT.

9. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;

- Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt và kết quả nghiên cứu mặt bằng thi công của nhà thầu.

10. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Nhà thầu phải tuân thủ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Cụ thể như sau:

- Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa các bên trong trường hợp áp dụng hình thức tổng thầu Thi công xây lắp công trình; tổng thầu thiết kế và Thi công xây lắp công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và Thi công xây lắp công trình; tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và Thi công xây lắp công trình và các hình thức tổng thầu khác (nếu có).

- Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.

- Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình tiến độ thi công, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác.

- Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây

dựng.

- Thi công xây lắp theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng công trình; đảm bảo chất lượng công trình và an toàn trong Thi công xây lắp.

- Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường.

- Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình Thi công xây lắp công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

- Lập nhật ký Thi công xây lắp công trình theo quy định.

- Lập bản vẽ hoàn công theo quy định.

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường Thi công xây lắp theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

IV. Các bản vẽ